

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/01/2022

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn; Nuôi con chung; Cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Quách Trung Sơn**.

+ Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Cẩm T**, sinh năm 1999 (có mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 1997 (có mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm T trình bày:

- Chị T với anh Trần Minh Q cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 2/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột. Do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài và thường xuyên đánh đập bạo hành gia đình đối với chị nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Q.

-Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 13/02/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con chung của anh chị trưởng thành và lao động được.

-Về tài sản chung: Anh chị có 24 chỉ vàng 24K, vàng cưới. Hiện anh Q đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Q chia lại cho chị 12 chỉ vàng 24K. Nếu anh Q không đồng ý chia trong vụ án này, thì chị sẽ khởi kiện yêu cầu chia sau.

-Về nợ chung: Không có.

2. Phần trình bày của bị đơn:

-Bị đơn anh Trần Minh Q trình bày: Việc cưới nhau chung sống và con chung như chị T trình bày là đúng. Anh cũng xác định sau khi cưới nhau, anh có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng nay anh đã không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị không lớn và anh đã chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ khác rồi. Anh còn thương vợ con, xin được đoàn tụ.

-Về con chung: Anh chị có một tên Trần Minh K, sinh ngày 13/02/2020 từ khi ly thân đến nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T nuôi con anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành lao động được.

-Về tài sản chung: Anh chị có 24 chỉ vàng cưới như chị T khai, trước đây gửi cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Bé Tám, hiện nay anh quản lý. Khi ly hôn anh đồng ý chia 2, chia cho chị T 12 chỉ vàng 24K, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

-Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Minh Q có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống đến khoảng tháng 2/2021 thì ly thân cho đến nay. Theo chị T khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nên vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài và hay bạo hành gia đình đánh đập chị. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Còn anh Q cũng xác định là có người khác bên ngoài nhưng hiện nay anh đã chấm dứt quan hệ và không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị T với anh Q cưới nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến đầu tháng 2/2021 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T cương quyết ly hôn, còn anh Q xác định là có người khác bên ngoài, nhưng nay đã chấm dứt nên không đồng ý ly hôn. Nhận thấy trong thời kỳ hôn nhân anh Q đã không chung thủy, có người khác bên ngoài và thường bạo hành gia đình đánh đập chị T. Mặt khác trong thời gian ly thân anh Q cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nữa và cương quyết xin ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là cho chị được ly hôn với anh Q, không chấp nhận ý kiến xin đoàn tụ của anh Q là phù hợp quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 13/02/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Anh Q cũng có ý kiến là được trực tiếp nuôi con chung. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con chung đã ổn định. Mặt khác con chung sinh ngày 13/02/2020 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T: Nhận thấy Trần Minh K là con chung của anh chị, khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi con chung, thì anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác lương cơ bản hiện nay có chiều hướng ngày một gia tăng, giá cả thị trường cũng ngày một biến động tăng, nên chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay anh Q cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con

chung của anh chị theo yêu cầu của chị T là 1.500.000đ/tháng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Q là buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị tên Trần Minh K mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật để khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi và lao động được là phù hợp quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay anh Q với chị T xác định thống nhất là anh chị có 24 chỉ vàng 24K vàng cưới hiện nay anh Q quản lý. Khi ly hôn chị T yêu cầu chia 2, là yêu cầu anh Q chia cho chị 12 chỉ vàng 24K trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 14/01/2022. Anh Q cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Q và chị T là buộc anh Q chia lại cho chị T 12 chỉ vàng 24K (loại vàng 24K thông dụng) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 33 và 38 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nợ chung: Chị T, anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Q phải chịu án phí đối với việc cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật. Chị T và anh Q phải chịu án phí chia tài sản chung. Vàng 24K thông dụng hôm nay là 5.100.000đ/1 chỉ X 12 chỉ X 5% = 3.060.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 33, 38, 56, 81, 82, 83, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm T.

Cho chị Đoàn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Trần Minh K, sinh ngày 13/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Minh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, đến khi con chung anh chị tên Trần Minh K đủ 18 tuổi lao động được.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Buộc anh Q chia lại cho chị T 12 (mười hai) chỉ vàng 24K (loại vàng 24K thông dụng).

Thời gian chia: Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/01/2022 đến ngày 14/4/2022.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004944, ngày 23/3/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Anh Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

Anh Q và chị T mỗi người phải chịu 3.060.000 đồng (Ba triệu không trăm, sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện Cái Bè;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG